

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Ngọc Thiện,
huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2.000**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng Vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, Quyết định số 27/2024/QĐ-UBND ngày 25/9/2024 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng

trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 25/4/2025 của HĐND tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 51/TTr-SXD ngày 15/5/2025 kèm theo Báo cáo số 103/BC-SXD ngày 15/5/2025; Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh tại Tờ trình số 18/TTr-KCN ngày 09/5/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Ngọc Thiện, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2.000, với các nội dung chính như sau:

1. Ranh giới và phạm vi quy hoạch

a) Vị trí: Phạm vi ranh giới lập Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Ngọc Thiện, huyện Tân Yên, tỷ lệ 1/2.000 thuộc địa giới hành chính xã Ngọc Thiện, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, ranh giới được xác định như sau:

- Phía Bắc: Giáp dân cư thôn Trung, xã Ngọc Thiện;
- Phía Nam: Giáp dân cư thôn Tam Bình, thôn Tam Hà 1, xã Ngọc Thiện;
- Phía Đông: Giáp khu dân cư chợ Bể, xã Ngọc Thiện;
- Phía Tây: Giáp dân cư thôn Ngọc Sơn và xã Thượng Lan, thị xã Việt Yên.

b) Quy mô đồ án:

- Quy mô diện tích nghiên cứu lập quy hoạch khoảng 161,88ha; Trong đó:
+ Diện tích đất công nghiệp là: 149,64ha;
+ Diện tích đất ở hiện trạng thôn Ngọc Lĩnh và Ngọc Sơn là 12,24ha.
- Quy mô lao động trong khu vực lập quy hoạch khoảng 14.500 người.

2. Tính chất

Là khu công nghiệp tổng hợp đa ngành, có công nghệ hiện đại, tiên tiến, chủ yếu là công nghiệp chế biến, chế tạo, sản xuất và lắp ráp; có tính chất kỹ thuật cao, công nghiệp thân thiện với môi trường.

Thu hút các ngành công nghiệp theo định hướng phát triển công nghiệp của tỉnh, cụ thể: Ngành công nghiệp chế biến và sản xuất hàng tiêu dùng; Ngành công nghiệp sản xuất, lắp ráp và chế tạo: điện, điện tử, điện lạnh, công nghệ thông tin; công nghiệp cơ khí, sản xuất, lắp ráp, chế tạo máy và tự động hóa; Các ngành công nghiệp có công nghệ sạch, công nghệ cao và thân thiện môi trường (như: công nghiệp tin học, phần mềm; công nghiệp chế biến sâu nông thủy sản, thực phẩm đồ ăn, đồ uống; công nghiệp dược, thiết bị y tế, công nghiệp thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng; công nghiệp hỗ trợ, phụ trợ...).

3. Quy hoạch sử dụng đất

a) Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất:

TT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất dịch vụ, tiện ích công cộng	DV	13,68	9,14
2	Đất nhà máy sản xuất	CN, CNVN	74,70	49,92
3	Đất hạ tầng kỹ thuật	HTKT	3,08	2,06
4	Đất cây xanh – thể thao, cây xanh cách ly, mặt nước	CX, CXTT, MN	21,43	14,32
4.1	Đất cây xanh – thể thao, cây xanh cách ly	CX	16,17	10,81
4.2	Đất mặt nước	MN	5,26	3,51
5	Đất giao thông		36,75	24,56
5.1	Bãi đỗ xe	P	3,89	2,60
5.2	Đường giao thông		32,86	21,96
A	Tổng diện tích khu công nghiệp		149,64	100
B	Đất dân cư hiện trạng		12,24	
1	Đất dân cư hiện trạng thôn Ngọc Lĩnh	NL	6,64	
2	Đất dân cư hiện trạng thôn Ngọc Sơn	NS	5,60	
A+B	Tổng diện tích nghiên cứu		161,88	

b) Bảng chỉ tiêu cho từng lô đất (*Biểu tổng hợp kèm theo thuyết minh đồ án*)

4. Quy hoạch kiến trúc cảnh quan

4.1. Khu vực nhà máy, xí nghiệp:

+ Các lô đất xây dựng nhà máy được tổ chức theo nhiều hình thức đáp ứng yêu cầu công nghệ chuyên ngành; Tại các cụm công trình được chia thành các lô đất có diện tích đa dạng và linh hoạt, đáp ứng được nhiều loại hình công nghiệp nhằm đảm bảo nhu cầu thu hút đầu tư cũng như phương án kinh doanh của chủ đầu tư. Trong quá trình hoạt động sau này tùy theo nhu cầu cụ thể của Nhà đầu tư thứ cấp, quy mô của mỗi nhà máy có thể thay đổi linh hoạt.

+ Trong Khu công nghiệp có bố trí khu đất với diện tích khoảng 5,46 ha tại lô đất CNVN1 và CNVN2 để cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ; các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, các doanh nghiệp khác thuộc diện được ưu tiên, hỗ trợ về mặt bằng sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật thuê đất, thuê lại đất.

+ Việc xây dựng từng nhà máy đảm bảo kiến trúc hiện đại, nhẹ nhàng

thanh thoát, màu sắc hài hoà, cây xanh thảm cỏ phù hợp, đóng góp vào việc tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan cho tổng thể khu công nghiệp.

4.2. Khu hành chính, dịch vụ: Được quy hoạch tại khu vực lõi vào phía Đông, phía Nam của dự án trên các trục đường chính, dự kiến xây dựng cho các khu chức năng gồm: Khu quản lý điều hành, trưng bày giới thiệu sản phẩm; Khu nhà văn phòng cho thuê, ngân hàng, dịch vụ bưu chính, thương mại dịch vụ; trạm y tế, an ninh, phòng cháy chữa cháy; cơ sở lưu trú, công trình văn hóa - thể thao; logistic...

4.3. Khu vực hạ tầng kỹ thuật: Được bố trí chia làm 4 khu vực, bao gồm trạm cấp nước, khu tập kết rác trung chuyển, xử lý nước thải, TBA...; Xung quanh có bố trí dải cây xanh cách ly đảm bảo theo quy định về môi trường.

4.4. Khu cây xanh, mặt nước: Các khu vực cây xanh cảnh quan tập trung được bố trí tại khu vực trung tâm khu công nghiệp và tại vị trí tiếp giáp khu dân cư để tạo cảnh quan đẹp làm cho môi trường khu công nghiệp nhằm giảm thiểu sự ô nhiễm ảnh hưởng khu vực xung quanh. Diện tích mặt nước trong Khu công nghiệp có tổng diện tích khoảng 5,26ha, chủ yếu là mặt nước kênh tiêu thoát nước.

4.5. Hệ thống giao thông và bãi đỗ xe:

+ Bố trí các đường trục chính kết nối với hệ thống giao thông đối ngoại và các tuyến đường kết nối đi QL37 và ĐT.294D.

+ Bố trí các đường nhánh kết nối đường trục chính vào các lô đất công nghiệp và các khu bãi đỗ xe của khu công nghiệp.

+ Giao thông được tổ chức dạng mạng đường vòng, với các nút giao thông có bán kính quay đảm bảo tiêu chuẩn, thuận lợi cho các phương tiện xe lưu thông có kích thước lớn vận chuyển hàng hóa, sử dụng hiệu quả và giảm chi phí đầu tư xây dựng.

+ Bố trí 04 bãi đỗ xe trong khu công nghiệp. Bãi đỗ xe sẽ đáp ứng nhu cầu dừng, chờ của các loại xe như: xe container, xe đưa đón công nhân và các xe bốc dỡ hàng hóa.

4.6. Thiết kế cảnh quan:

+ Trục không gian kiến trúc chủ đạo là trục dọc Bắc – Nam, Đông - Tây và kết hợp cây xanh cảnh quan, cây xanh cách ly.

+ Với định hướng quy hoạch chung đô thị mới Ngọc Thiện (Bì), các tuyến đường giao thông kết nối đều thuận tiện kết nối từ các tuyến đường chính vào trục cảnh quan trung tâm hài hoà và là điểm nhấn chủ đạo cho toàn bộ khu vực.

+ Các lô đất xây dựng nhà máy công nghiệp được bố trí trên cơ sở mạng lưới giao thông đã được xác định. Các lô đất được quy hoạch linh hoạt nhằm đảm bảo cho việc chia ra hoặc ghép lại để phù hợp với yêu cầu của từng loại hình công nghiệp hoặc quy mô, dây chuyền công nghệ của các doanh nghiệp.

+ Công trình hành chính, dịch vụ xây dựng cho các khu chức năng gồm: Khu quản lý điều hành, trưng bày giới thiệu sản phẩm; Khu nhà văn phòng cho

thuê, dịch vụ bưu chính viễn thông, thương mại dịch vụ; trạm y tế, an ninh, phòng cháy chữa cháy; cơ sở lưu trú, công trình văn hóa - thể thao, logistic,... gắn với khu cây xanh thể dục thể thao tạo sự kết nối giữa khu dân cư với Khu công nghiệp.

+ Các vườn hoa cảnh quan, sân chơi, tiểu cảnh, bãi đỗ xe được bố trí xen lẫn trong khu công nghiệp, các công trình công cộng kết hợp cây xanh là khu vực chuyển tiếp cũng như điều hoà vi khí hậu cho toàn bộ khu vực.

5. Giải pháp tổ chức mạng lưới hạ tầng kỹ thuật

5.1. Giao thông:

Giao thông đối ngoại:

- Mặt cắt (1-1): rộng 36,0m; trong đó lòng đường chính $2 \times 10,5\text{m} = 21\text{m}$; giải phân cách giữa 3,0m; hè đường $2 \times 6,0\text{m}$.

- Mặt cắt (2-2) rộng 46,0m; trong đó lòng đường $2 \times 10,5\text{m} = 21\text{m}$; phân cách giữa 7m; hè đường 2 bên $2 \times 9,0\text{m} = 18,0\text{m}$.

- Mặt cắt (8-8) rộng 38m: trong đó lòng đường rộng $2 \times 10,5\text{m} = 21\text{m}$, giải phân cách giữa 5m, hè đường 2 bên $2 \times 6\text{m} = 12\text{m}$.

Giao thông nội bộ:

- Mặt cắt (3-3) rộng 35,0m; trong đó lòng đường $2 \times 10,5\text{m} = 21\text{m}$; phân cách giữa 2m; hè đường 2 bên $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$.

- Mặt cắt (4-4) rộng 27,0m; trong đó lòng đường 15m; hè đường 2 bên $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$.

- Mặt cắt (5-5) và (5'-5') là 59,0m; trong đó lòng đường quy hoạch khu công nghiệp rộng 15m; hè đường 1 bên rộng 6m; lòng đường quy hoạch khu dân cư giáp ranh rộng 8m, hè đường 2 bên $2 \times 6\text{m} = 12\text{m}$, phạm vi cây xanh mặt nước rộng 18m trong đó cây xanh 10m, mặt kênh thoát nước rộng 8m.

- Mặt cắt (6-6) là 26,0m; trong đó lòng đường 14m; hè đường 2 bên $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$.

- Mặt cắt (7-7) là 20,0m; trong đó lòng đường 8m; hè đường 2 bên $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$.

- Mặt cắt (9-9) với bề rộng mặt đường là 7.5m bố trí giáp 2 thôn Ngọc Sơn, Ngọc Lĩnh đảm bảo kết nối, lưu thông thuận lợi cho người dân 2 thôn.

- Vành dừng xe: Trên các tuyến đường giao thông, khoảng 300m đến 700m bố trí một điểm vành dừng xe đưa đón công nhân (kích thước chiều rộng khoảng 3,5m và chiều dài khoảng 70m), đảm bảo an toàn cho người lao động và không ảnh hưởng tới luồng xe đang lưu thông trên đường.

5.2. San nền

Cao độ nền xây dựng được khống chế theo các tuyến đường hiện có và quy hoạch, phù hợp với hiện trạng thoát nước mặt khu vực, cụ thể:

- Cao độ khống chế: $H_{min} = 8,00m$; $H_{max} = 9,60m$;
- Hướng dốc san nền trong lô đất dốc về các trục đường bao quanh lô đất; hướng dốc san nền theo hướng từ Bắc xuống Nam và từ Đông sang Tây; độ dốc san nền thay đổi theo độ dốc dọc của các tuyến đường giao thông;
- Cao độ của các nút giao thông nội bộ phải đồng bộ với hệ thống thoát nước mưa để đảm bảo thoát nước mưa tự chảy.

5.3 Thoát nước:

a) Hệ thống thoát nước mưa:

Hệ thống thoát nước mưa cho toàn khu vực lập quy hoạch cũng như khu vực dân cư hiện trạng được chia làm 2 lưu vực chính:

- Lưu vực 1: Thu nước ở phía Bắc, Đông Bắc về khu vực mương tiêu dự án và cống hộp, sau đó tiêu nước về khu vực phía Tây Bắc và xả ra hệ thống ngòi và suối Hoàng Thanh hiện trạng theo quy hoạch chung.

- Lưu vực 2: Thu nước ở phía Nam, Đông Nam về khu vực mương tiêu dự án và cống hộp, sau đó tiêu nước về khu vực phía Tây và xả ra hệ thống ngòi và suối Hoàng Thanh hiện trạng.

- Cống thoát nước mưa theo nguyên tắc tự chảy, bố trí dọc theo các tuyến đường giao thông.

- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thoát nước mưa (Ga thu, ga thăm, cống tròn BTCT...) thu nước mưa từ các lô đất, sau đó thoát ra các tuyến cống chính đổ về nguồn xả theo lưu vực của dự án.

- Sử dụng hệ thống cống tròn BTCT kết hợp cống hộp BTCT để đảm bảo thoát nước cho toàn bộ dự án.

b) Hệ thống thoát nước thải và Vệ sinh môi trường:

Hệ thống thoát nước thải:

- Nước thải trong các lô đất công nghiệp được xử lý cục bộ tại chỗ trước khi thu về Trạm xử lý của Khu công nghiệp, công suất khoảng $5.200 \text{ m}^3/\text{ng.đ}$ đặt tại phía Nam đồ án quy hoạch, tại lô đất HTKT.3. Nước thải sau khi xử lý của Khu công nghiệp phải đạt giới hạn cột A theo QCVN 40:2011/BTNMT trước khi thoát ra hệ thống kênh mương thoát nước.

- Mạng lưới đường ống thoát nước thải được thiết kế riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa; đường ống thoát nước thải đi ngầm dưới vỉa hè, độ dốc tuyến ống tối thiểu $i_{min} = 1/D$; giếng thăm, hố thu nước thải dùng kết cấu bê tông cốt thép, nắp đậy bằng Composite.

Vệ sinh môi trường:

- Tại mỗi khu vực sẽ bố trí các điểm trung chuyển chất thải rắn. Chất thải rắn sau khi được thu gom về các bãi tập kết chất thải chung của KCN sẽ được chuyển đi xử lý tại Khu xử lý chất thải rắn của khu vực.

- Các nhà máy sản xuất sẽ có trách nhiệm tự thu gom và hợp đồng với các đơn vị có đầy đủ chức năng, giấy phép liên quan để tiếp tục phân loại và vận chuyển chất thải rắn đến các bãi tập kết hoặc nhà máy xử lý theo quy định, nằm bên trong KCN.

- Đối với chất thải rắn phát sinh tại các khu vực dịch vụ, công cộng và dọc đường sẽ được công ty quản lý hạ tầng KCN thu gom và sau đó sẽ được các công ty dịch vụ môi trường vận chuyển đến các khu vực xử lý theo quy định.

5.4. Cấp nước:

- Nguồn nước cấp chính từ nhà máy cấp nước tập trung của Khu công nghiệp đặt tại khu đất KTKT.2 với công suất cấp cho khoảng 7.000 m³/ng.đ hoặc trạm bơm tăng áp trong trường hợp có sẵn nguồn cấp từ nhà máy xử lý nước sạch trên địa bàn. Nguồn nước thô dẫn về nhà máy dự kiến lấy từ nước mặt sông Cầu.

- Nước cho nhu cầu tưới cây, rửa đường sẽ sử dụng nguồn nước sẵn có từ các kênh thoát nước, cảnh quan xung quanh khu công nghiệp hoặc sử dụng nguồn nước sau xử lý để phục vụ các nhu cầu trên.

- Mạng lưới cấp nước được thiết kế đảm bảo cấp nước cho toàn bộ dự án. Mạng lưới đường ống chính trong khu vực được thiết kế dạng mạng vòng kết hợp mạng nhánh, đảm bảo cấp nước liên tục, an toàn, đáp ứng đủ nhu cầu dùng nước cho các đối tượng và phù hợp với khu vực thiết kế.

- Đường ống đặt dưới vỉa hè, đoạn ống đi dưới lòng đường phải có ống lồng bảo vệ ống cấp nước, đảm bảo theo các tiêu chuẩn quy định kỹ thuật hiện hành.

- Hệ thống cung cấp nước chữa cháy được thiết kế theo nguyên tắc hệ thống cung cấp nước áp lực thấp. Khi có cháy, xe chữa cháy lấy nước tại các trụ nước chữa cháy, các trụ nước chữa cháy được bố trí trên các đường ống cấp dọc theo các tuyến đường để thuận tiện cho xe vào lấy nước chữa cháy, khoảng cách giữa các trụ nước chữa cháy không quá 120m.

5.5. Cấp điện:

- Giải pháp cấp điện:

+ Tổng nhu cầu cấp điện KCN khoảng 82 MVA.

+ Nguồn cấp điện: Trước mắt nguồn điện cấp cho dự án sẽ được lấy từ đường dây 22kV hiện đang cấp điện cho khu vực xã Ngọc Thiện, xã Thượng Lan; Bên cạnh đó quy hoạch xây dựng TBA 110kV Ngọc Thiện với công suất 2x63MVA tại khu đất HTKT.1 của dự án (có dự phòng thêm vị trí xây dựng trạm biến áp tại lô HTKT.4).

+ Nguồn điện được bổ sung từ điện mặt trời (NLMT) với công suất dự kiến khoảng 36 MVA.

+ Mạng lưới trung áp: Lưới 22kV cấp vào dự án được đi ngầm dưới vỉa hè giao thông nhằm đảm bảo mỹ quan cho khu quy hoạch;

+ Hệ thống đường dây cấp điện trung thế, hạ thế nội bộ trong KCN được thiết kế hạ ngầm.

- Giải pháp điện chiếu sáng:

+ Hệ thống đường dây chiếu sáng, hạ thế được bố trí đi ngầm trên vỉa hè.

+ Đèn chiếu sáng dùng đèn LED 120-150W có ánh sáng màu vàng hoặc đèn có các thông số kỹ thuật tương đương.

+ Để phù hợp với địa hình thực tế, bố trí đèn 1 phía hoặc 2 phía tùy thuộc vào mặt cắt ngang đường và có khoảng cách đèn từ 35÷45m. Đường có mặt cắt trên 12m bố trí 2 bên đường, còn lại bố trí một bên.

5.6. Thông tin liên lạc:

- Đầu tư xây dựng một hệ thống viễn thông hoàn chỉnh, có khả năng kết nối đồng bộ với hệ thống bưu chính cơ sở và mạng viễn thông quốc gia.

- Hệ thống viễn thông là hệ thống ngầm, được ghép nối vào mạng viễn thông của khu vực.

- Hệ thống thông tin liên lạc được thiết kế đồng bộ với các hệ thống cấp điện chiếu sáng để đảm bảo hoạt động của dịch vụ. Nhà cung cấp dịch vụ sẽ đầu tư khai thác hệ thống thông tin.

- Xây dựng Quy hoạch các trạm BTS phù hợp với các công nghệ mới, tiên tiến hiện đại (4G, 5G), đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng.

5.7. Đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường: Đồ án đã đánh giá môi trường theo các quy định hiện hành, khi triển khai thực hiện cần tuân thủ các giải pháp để đảm bảo phát triển bền vững, giảm thiểu các tác động ảnh hưởng đến môi trường toàn khu vực.

5.8. Vị trí đường dây, đường ống kỹ thuật: Hệ thống thông tin liên lạc, cấp nước, cấp điện, thoát nước thải và nước mưa trên các trục đường đều bố trí trên phần đất hè đường và hành lang hạ tầng kỹ thuật.

6. Những hạng mục chính cần ưu tiên đầu tư xây dựng

- Hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống giao thông, hệ thống cấp nước, thoát nước, cấp điện và khu xử lý nước thải.

- Công trình: Khu hành chính - dịch vụ, nhà xưởng sản xuất, khuôn viên cây xanh mặt nước, bãi đỗ xe, cây xanh - thể dục thể thao...

7. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch.

Có quy định quản lý quy hoạch kèm theo hồ sơ quy hoạch.

Điều 2. Sở Xây dựng, Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo, các nội dung thẩm định theo quy định, có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Công Thương, Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Tân Yên và các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, TH, KTTH, KTN;
- Lưu: VT; XD.Trung.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Thịnh